

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 156/2024/DS-PT

Ngày: 18-3-2024

V/v tranh chấp đòi lại di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hà Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Đòi lại di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 771/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Xuân T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số A khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: Nguyễn Đức H, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Số A khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 22/10/2019)

- Bị đơn:

1. Phạm Thị Ngọc H1, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Huỳnh Văn D, sinh năm 1963; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đặng Xuân H2, sinh năm 1961;

Địa chỉ: D N, phường A, quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đặng Thanh T1, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 4 N, phường A, quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đặng Thanh C, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 2 L, khu phố B, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà H2, ông T1, ông C: Nguyễn Đức H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số A khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 14/12/2020)

4. Huỳnh Văn D1, sinh năm 1965;

5. Huỳnh Yên N, sinh năm 1994;

6. Huỳnh Bảo T2, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: Khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

7. Huỳnh Thanh T3, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

8. Lê Thị M, sinh năm 1935;

Địa chỉ: Khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Phạm Thị Ngọc H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn bà Đặng Xuân T và đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Đức H trình bày:* Vào ngày 09/3/1990 cha của bà Đặng Xuân T là ông Đặng Văn T4, sinh năm 1921 mất năm 2000 có chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn Q sinh năm 1932, chết năm 2003 là cha chồng của bà Phạm Thị Ngọc H1 và là cha ruột ông Huỳnh Văn D một phần đất vườn có diện tích khoảng 2 công, địa chỉ thửa đất tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nay là khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Do ông Đặng Văn T4 còn canh tác thửa đất ở phía trong nên lúc chuyển nhượng ông T4 có làm giấy thỏa thuận với ông Q chừa lại đường nước và đường đi có bề ngang 2m tính từ mặt sông ra tới sau ruộng để cho ông và những người có đất bên trong đất của ông Q cùng sử dụng. Thời điểm làm giấy chuyển nhượng có mặt ông Đặng Văn T4, ông Huỳnh Văn Q, còn có mặt bà Lê Thị M là vợ ông T4 hay không phía nguyên đơn không xác định được. Sau khi nhận đất từ ông T4, ông Q giao đất cho ông D kê khai quản lý sử dụng đến ngày 10/10/1994 thì ông D được cấp giấy chủ quyền là thửa đất 948 tờ bản đồ số 3, diện tích 2.031m². Năm 2004 ông Huỳnh Văn D làm thủ tục tách thửa đất 948 thành 02 thửa: Thửa 162, tờ bản đồ 34 có diện tích 1.308m² cho ông Huỳnh Văn D đại diện hộ đứng tên và thửa

161, tờ bản đồ 34 có diện tích 1.002m² cho bà Phạm Thị Ngọc H1 đại diện hộ đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số AĐ 003737 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 23/12/2005. Quá trình sử dụng đường đi có bị sạt lở. Bà T khẳng định con đường nước và đường đi trước đây nằm hoàn toàn trong thửa đất 948 và sát ranh với thửa đất 1008 hiện nay là thửa 160 của anh Huỳnh Thanh T3. Nguồn gốc thửa đất 160 là do ông Huỳnh Văn Q hoán đổi đất với người khác không phải nhận chuyển nhượng từ ông Đặng Văn T4.

Vì vậy nay bà Đặng Xuân T khởi kiện yêu cầu các thành viên trong hộ bà Phạm Thị Ngọc H1 gồm ông Huỳnh Văn D1, bà Phạm Thị Ngọc H1, chị Huỳnh Yến N, Huỳnh Bảo T2 và ông Huỳnh Văn D phải trả lại phần đất có diện tích 83,4m² theo như bản đồ địa chính khu đất lập ngày 04/5/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai thị xã C. Đây là phần đất nằm trong thửa đất số 161, tờ bản đồ 34, diện tích 1.002m² (theo đo đạc thực tế có diện tích 956,1m²) tại khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số AĐ 003737 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 23/12/2005 cho hộ bà Phạm Thị Ngọc H1.

* *Bị đơn bà Phạm Thị Ngọc H1 trình bày:* Bà là vợ của ông Huỳnh Văn D1 và là con dâu của ông Huỳnh Văn Q và bà Lê Thị M, ông Huỳnh Văn D là anh chồng bà. Bà với ông Huỳnh Văn D1 cưới nhau năm 1989, sau khi cưới, bà cùng chồng về ở chung với ông Huỳnh Văn Q và bà Lê Thị M trên thửa đất hiện ông T3 đang quản lý là thửa đất 160 theo tài liệu 299 là thửa 1008. Năm 1990 bà có nghe ông Huỳnh Văn Q nói có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn T4 một phần đất giáp với thửa đất 1008 đang ở tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nay là khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Mục đích ông Q nhận chuyển nhượng phần đất này là để cho vợ chồng bà và ông Huỳnh Văn D. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Q có kêu vợ chồng bà và ông D ra, ông Q chia đất ra làm 02 phần cho vợ chồng bà một phần, ông D một phần. Ông Q kêu bà lấy phần đất ngay ở phần đất bà đang ở hiện giờ. Lúc ra nhận đất bà thấy trên đất đã có con đường nước cạn nhỏ, có bờ đi nhỏ vài tấc. Bà không có hỏi đường nước, đường đi này là của ai. Bà có nghe ông Q nói phải để con đường này cho ông Đặng Văn T4 bơm nước, vì theo bà được biết ông Đặng Văn T4 còn có mấy công đất phía trong vì sau khi bà ra phần đất được ông Q cho để cất nhà ở thì bà đang mướn đất của ông T4 canh tác, ông T4 còn nói sau này sẽ chuyển nhượng hết đất cho gia đình bà. Sau khi được ông Q chia đất vợ chồng bà ra ở và canh tác trên thửa đất này từ năm 1991 cho đến nay. Năm 2005 thì gia đình bà được cấp chủ quyền đất là thửa thửa số 161, tờ bản đồ 34 có diện tích 1.002m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số AĐ 003737 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 23/12/2005, nguồn gốc thửa đất này là do ông Q mua chung cho vợ chồng bà và ông Huỳnh Văn D, sau đó ông D mới tách thửa ra cho bà. Kể từ khi nhận đất canh tác cho đến nay gia đình bà vẫn cho các hộ phía trong sử dụng con đường nước, quá trình sử dụng con đường nước đã sạt lở rộng ra như hiện nay. Từ khi bà nhận đất tới nay mọi người đều đi trên phần đất của ông T3 và gia đình bà vẫn cho những hộ phía trong sử dụng con đường nước nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của

người liên quan. Đối với chữ ký tên “Quỳ” trong tờ sang nhượng vườn, bà khẳng định không phải là chữ kí của ba chồng bà nhưng bà không có yêu cầu giám định do không cung cấp được mẫu chữ ký của ông Q.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn D trình bày:* Ông là con ruột của ông Huỳnh Văn Q và bà Lê Thị M, ông Huỳnh Văn D1 là em trai ông còn bà Phạm Thị Ngọc H1 là em dâu của ông. Năm 1990 ông Huỳnh Văn Q có nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn T4 một phần đất có diện tích khoảng 2 công tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nay là khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, trên đất có đường nước khoảng 0,3-0,4 tấc, đường đi khoảng 05 tấc. Khi nhận chuyển nhượng đất, ông có nghe ông Đặng Văn T4 nói là chừa đường nước cho ông T4 bơm, sau này ông T4 sẽ chuyển nhượng phần đất phía sau cho ông luôn. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông T4, ông Huỳnh Văn Q kêu ông và vợ chồng Huỳnh Văn D1, Phạm Thị Ngọc H1 ra phân chia đất ra làm 02 phần, ông 1 phần, vợ chồng D1 1 phần. Phần đất ông Q chia cho ông là phần đất giáp với đất bà H1 như hiện giờ, ông chưa canh tác đến năm 1996 ông mới ra cất nhà quản lý sử dụng cho đến nay còn vợ chồng bà H1 đã nhận đất cất nhà ở từ năm 1990, 1991 cho đến nay. Từ khi ông Q nhận chuyển nhượng đất từ ông T4, ông Q là người làm các thủ tục kê khai, đến năm 1994 ông Q kêu ông đưa giấy tờ để ông Q cùng với ông Đặng Văn T4 đi làm giấy chủ quyền đến ngày 10/10/1994 ông được Nhà nước cấp chủ quyền là thửa đất 948 tờ bản đồ số 3, diện tích 2.031m². Năm 2004 ông làm thủ tục tách thửa đất 948 thành 02 thửa: Thửa 162, tờ bản đồ 34 có diện tích 1.308m² do ông đại diện hộ đứng tên và thửa 161, tờ bản đồ 34 có diện tích 1.002m² cho bà Phạm Thị Ngọc H1 đại diện hộ đứng tên. Hiện phần đất tranh chấp theo đo đạc của Chi nhánh văn phòng Đ nằm hoàn toàn trong thửa đất 161 của gia đình bà Phạm Thị Ngọc H1, không liên quan gì đến ông. Do đó ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người liên quan. Đối với chữ ký tên “Quỳ” trong tờ sang nhượng vườn, ông khẳng định không phải là chữ kí của ba ông nhưng ông không có yêu cầu giám định do không cung cấp được mẫu chữ ký của ông Q.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C ủy quyền cho ông Nguyễn Đức H có yêu cầu độc lập trình bày: Việc bà Đặng Xuân T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc H1 và ông Huỳnh Văn D phải trả lại phần đất có diện tích 83,4m² theo như bản đồ địa chính khu đất lập ngày 04/5/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai thị xã C. Đây là phần đất nằm trong thửa đất số 161, tờ bản đồ 34, diện tích 1.002m² (theo đo đạc thực tế có diện tích 956,1m²) tại khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số AĐ 003737 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 23/12/2005 cho hộ bà Phạm Thị Ngọc H1 thì bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C biết và cũng đồng ý. Tuy nhiên, do phần đất tranh chấp nêu trên có nguồn gốc là của ông Đặng Văn T4, đây là di sản thừa kế chưa chia nên bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C cũng có yêu cầu độc lập buộc các thành viên trong hộ bà Phạm Thị Ngọc H1 gồm ông Huỳnh Văn D1, bà Phạm Thị Ngọc H1, chị Huỳnh Yến N, Huỳnh Bảo T2 và

ông Huỳnh Văn D phải trả lại cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đặng Văn T4 bao gồm bà Đặng Xuân T, bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C phần đất có diện tích 83,4m² như trên.

+ Bà Lê Thị M trình bày: Ông Huỳnh Văn Q là chồng bà. Vào năm 1990 ông Huỳnh Văn Q có nhận chuyển nhượng một vuông đất khoảng 02 công của ông Đặng Văn T4. Lúc ông T4 và ông Q thỏa thuận việc chuyển nhượng ông Q không có nói với bà, giá chuyển nhượng bao nhiêu bà không nhớ. Thời điểm chuyển nhượng không có mặt bà, bà chỉ biết được sự việc khi ông Q kêu bà đưa vàng trả cho ông T4. Sau khi nhận vàng ông Tính giao phần đất đó cho ông Q sử dụng. Ông Q không canh tác, sử dụng mà giao cho con trai bà với ông Q là Huỳnh Văn D canh tác, quản lý, sử dụng. Đến khi Huỳnh Văn D được cấp giấy chủ quyền thì ông T4 cũng không có ý kiến gì. Lúc nhận chuyển nhượng đất bà không nghe nói có việc làm giấy tờ, hai bên chỉ nói miệng. Theo bà biết thì ông Đặng Văn T4 chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn Q nguyên miếng khoảng 02 công không có nói chừa đường nước, đường đi. Bà xác định chữ thập trong tờ sang nhượng đất vườn không ghi ngày tháng năm do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ khởi kiện không phải do bà gạch, vì bà biết viết tên bà. Năm sinh của bà trong tờ sang nhượng ghi sai, bà sinh năm 1935 chứ không phải 1936, sổ chứng minh của bà ghi trong tờ sang nhượng là đúng nhưng lúc ông T4 và ông Q thỏa thuận việc chuyển nhượng không có mặt bà. Chữ viết chữ kí tên Quỳ trong tờ sang nhượng vườn không ghi ngày tháng năm và tờ sang nhượng vườn đề ngày 09/3/1990 do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ khởi kiện không phải là của ông Q.

Tại Bản án sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39, khoản 2 điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Xuân T và yêu cầu độc lập của bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C.

Buộc các thành viên trong hộ bà Phạm Thị Ngọc H1 gồm ông Huỳnh Văn D1, bà Phạm Thị Ngọc H1, chị Huỳnh Yến N, Huỳnh Bảo T2 phải trả lại cho bà Đặng Xuân T, bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C phần đất có diện tích 83,4m². Đây là phần đất nằm trong thửa đất số 161, tờ bản đồ 34, diện tích 1.002m² (theo đo đạc thực tế có diện tích 956,1m²) tại khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số AĐ 003737 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 23/12/2005 cho hộ bà Phạm Thị Ngọc H1. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp thửa 958;

- + Phía Nam giáp kênh;
- + Phía Đông giáp thửa thửa 160;
- + Phía Tây giáp phần còn lại của thửa đất 161.

(Có bản đồ địa chính khu đất lập ngày 04/5/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng kí đất đai thị xã C kèm theo)

Bà Đặng Xuân T, bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị Ngọc H1, ông Huỳnh Văn D1, chị Huỳnh Yến N và Huỳnh Bảo T2 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất còn lại theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Xuân T và yêu cầu độc lập của bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C về việc buộc ông Huỳnh Văn D cùng với các thành viên trong hộ bà Phạm Thị Ngọc H1 gồm ông Huỳnh Văn D1, bà Phạm Thị Ngọc H1, chị Huỳnh Yến N, Huỳnh Bảo T2 phải trả lại cho bà Đặng Xuân T, bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C phần đất có diện tích 83,4m².

3. Buộc bà Đặng Xuân T, bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C có nghĩa vụ bồi hoàn cho ông Huỳnh Thanh T3 số tiền 2.638.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 01/8/2023, bị đơn Phạm Thị Ngọc H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của TAND thị xã C, tỉnh Tiền Giang do phần diện tích đất nằm trong thửa 161, tờ bản đồ 34, diện tích 1.002m² là của bà Phạm Thị Ngọc H1 đứng tên, bản án sơ thẩm xử chưa khách quan, không thu thập chứng cứ đầy đủ. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị Ngọc H1 xác định quyền sử dụng đất của bà được cấp hợp pháp, đúng pháp luật nên yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông H2 đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C theo hướng chấp nhận kháng cáo của bà H1, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đặng Xuân T và những người có liên quan: Đặng Xuân H2, Đặng Thanh T1, Đặng Thanh C khởi kiện yêu cầu bị đơn là hộ bà Phạm Thị Ngọc H1, ông Huỳnh Văn D để đòi phân di sản của cụ Đặng Văn T4 chết để lại là phần đất có diện tích 83,4m² mà trước đây ông đã chuyển nhượng, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Đòi di sản thừa kế” và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bà T và những người thừa kế của cụ T4 đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Huỳnh Văn D và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Xuân T và yêu cầu độc lập của bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C về việc buộc ông Huỳnh Văn D trả lại phần đất có diện tích 83,4m², các bên đương sự không kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có liên quan, các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện phần đất tranh chấp 83,4m² phía bà T cho rằng khi ông T4 bán đất cho ông Q thì ông T4 có thỏa thuận chừa lại để làm lối đi và cấp thoát nước nhưng phía bà H1 ông D đều không thừa nhận việc này, hồ sơ vụ án không thể hiện tài liệu nào chứng minh ông T4 được cấp quyền sử dụng phần đất tranh chấp. Theo nội dung Công văn số 1422/CNVPĐK ngày 01/10/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã C xác định phần đất tranh chấp trước đây là thửa 948 diện tích 2.031m² do ông Huỳnh Văn D đứng tên chủ sử dụng trong sổ mục kê theo tài liệu 299, đến ngày 10/10/1994 ông D được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng thửa đất 948 tờ bản đồ số 3, diện tích 2.031m², đến năm 2004 ông D làm thủ tục tách thửa đất 948 thành 02 thửa: Thửa 162, tờ bản đồ 34 có diện tích 1.308m² do ông đại diện hộ đứng tên

và thửa 161, tờ bản đồ 34 có diện tích 1.002m² cho bà Phạm Thị Ngọc H1 đại diện hộ đứng tên và không ai tranh chấp. Về phía bà T và các anh chị em (con của ông T4), sau khi ông T4 chết lần lượt những người này đều chuyển nhượng hết phần đất còn lại của ông T4, những lần chuyển nhượng này bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng đều không hề đề cập đến lối đi, đường nước tranh chấp. Nguyên đơn và người có liên quan khởi kiện yêu cầu đòi 83,4m² đất cho rằng là di sản thừa kế của ông T4, nhưng không có bất cứ tài liệu nào xác định ông T4 được công nhận quyền sử dụng hợp pháp, trước khi chết cũng không đứng tên phần đất tranh chấp nên không có đất (tranh chấp) là di sản thừa kế để lại cho phía những người thừa kế; phần đất tranh chấp đã 02 lần chuyển qua chủ sử dụng khác, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía bà T là không phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của bà H1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc H1.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2023/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39, khoản 2 điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 500, Điều 503, Điều 612 Bộ luật dân sự; Điều 5, Điều 166 Luật đất đai; Điều 26, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Xuân T và yêu cầu độc lập của bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C về việc buộc các thành viên trong hộ bà Phạm Thị Ngọc H1 gồm ông Huỳnh Văn D1, bà Phạm Thị Ngọc H1, chị Huỳnh Yến N, Huỳnh Bảo T2 phải trả lại cho bà Đặng Xuân T, bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C phần đất có diện tích 83,4m², phần đất nằm trong thửa đất số 161, tờ bản đồ 34, diện tích 1.002m² (theo đo đạc thực tế có diện tích 956,1m²) đất tọa lạc tại khu phố B, phường C, thị xã C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số AĐ 003737 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 23/12/2005 cho hộ bà Phạm Thị Ngọc H1.

2. Về án phí: H3 lại cho bà Phạm Thị Ngọc H1 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0018665 ngày 07/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C.

Bà Đặng Xuân T, bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đặng Xuân T đã nộp 325.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000252 ngày 03/12/2019 (Nguyễn Đức H nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 25.000 đồng.

- Bà Đặng Xuân H2, ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh C đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 0002394, 0002395, 0002396 ngày 15/3/2022 (Nguyễn Đức H nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang nên không phải nộp thêm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng

